

ẤN ĐỘ VÀ CHIẾN LƯỢC CÂN BẰNG MỀM TRƯỚC SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC India and its soft balancing strategy towards China's rise

HUỲNH THANH LOAN*

Ngày nhận bài: 03/7/2025, ngày gửi phản biện: 15/7/2025, ngày duyệt đăng: 12/8/2025

Trong trật tự quốc tế sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Ấn Độ từng giữ vai trò dẫn dắt Phong trào Không liên kết, nhưng sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đã tạo ra những thách thức chiến lược mới. Dựa vào lý thuyết chủ nghĩa hiện thực tân cổ điển về sự lựa chọn chiến lược, bài viết phân tích sự cân nhắc các lựa chọn chính sách của Ấn Độ trong môi trường địa chính trị ngày càng bất đối xứng, nơi ảnh hưởng của Trung Quốc không ngừng gia tăng và làm biến đổi cán cân quyền lực châu Á. Kết quả cho thấy, mặc dù Ấn Độ có nhiều lựa chọn, song chiến lược cân bằng mềm được đánh giá là phương thức hiệu quả nhất để vừa duy trì quyền tự chủ chiến lược, vừa đảm bảo lợi ích an ninh lâu dài. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý thuyết của chiến lược cân bằng mềm thông qua trường hợp Ấn Độ trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực với Trung Quốc.

Từ khóa: Ấn Độ, cân bằng mềm, lựa chọn chiến lược, Trung Quốc.

In the post-World War II international order, India once played a leading role in the Non-Aligned Movement, but the rapid rise of China since the early 21st century has created new strategic challenges. Drawing on the neoclassical realist theory of strategic choice, the paper examines India's policy options in an increasingly asymmetric geopolitical environment, where China's growing influence continues to reshape the Asian balance of power. The findings indicate that, although India had multiple options, soft balancing emerged as the most effective strategy to both maintain strategic autonomy and secure long-term security interests. In doing so, the paper sheds light on the theoretical foundations of soft balancing through the case of India in its power competition with China.

Keywords: India, soft balance, strategic choices, China.

Mở đầu

Sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991 là bước ngoặt quan trọng dẫn đến những điều chỉnh sâu sắc trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Từ đầu thập niên 1990, New Delhi

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: loanvass.lh@gmail.com

đã chủ động hội nhập với thế giới bên ngoài, thể hiện qua việc mở cửa nền kinh tế năm 1991, ký Hiệp định Duy trì Hòa bình và Tĩnh lặng dọc Đường Kiểm soát Thực tế với Trung Quốc năm 1993, tiến hành thử nghiệm vũ khí hạt nhân năm 1998, ký Thỏa thuận Hạt nhân Dân sự với Mỹ năm 2008, cũng như thiết lập quan hệ ngày càng chặt chẽ hơn với Mỹ và Israel. Giai đoạn này đồng thời đánh dấu sự trỗi dậy của Ấn Độ cả về kinh tế và quân sự: năm 2018, Ấn Độ vượt qua Pháp để trở thành nền kinh tế lớn thứ sáu thế giới; theo đuổi mục tiêu gia nhập Nhóm các Nhà cung cấp Hạt nhân (NSG) bất chấp sự phản đối của Trung Quốc, mong muốn có ghế thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đồng thời tham gia các cơ chế đa phương như BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). Những bước đi này đã góp phần thay đổi hình ảnh Ấn Độ từ một quốc gia nghèo thuộc thế giới thứ ba thành một cường quốc đang lên (Tellis, 2016).

Tuy nhiên, sự trỗi dậy của Ấn Độ diễn ra song song với sự trỗi dậy nhanh chóng hơn của Trung Quốc. Nếu như ảnh hưởng toàn cầu ngày càng mở rộng của Bắc Kinh thường đi kèm với sự dè dặt, và cả những lo ngại từ cộng đồng quốc tế, thì với Ấn Độ - một quốc gia láng giềng có lịch sử xung đột biên giới và cuộc chiến năm 1962 - thách thức an ninh lại càng rõ nét. Trong bối cảnh đó, những câu hỏi mang tính nền tảng được đặt ra: Liệu Trung Quốc có phải là mối đe dọa trực tiếp đối với Ấn Độ? Vì sao chiến lược cân bằng lại là phương án thích hợp nhất cho New Delhi?

Để trả lời các câu hỏi này, bài viết vận dụng khung lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của Kenneth Waltz và các lý thuyết về chiến lược cân bằng trong quan hệ quốc tế để làm rõ tại sao Trung Quốc được xem là “mối đe dọa” với Ấn Độ và đã tác động đến lựa chọn chiến lược của Ấn Độ như thế nào. Cách tiếp cận này nhằm làm rõ những nguyên nhân căn bản dẫn đến sự lựa chọn cân bằng mềm như một chiến lược trung tâm để bảo đảm quyền tự chủ chiến lược và an ninh quốc gia của Ấn Độ.

1. Cơ sở lý thuyết về cân bằng và lựa chọn của Ấn Độ

Mỹ giữ vai trò thống trị trong hệ thống chính trị toàn cầu, phần lớn nhờ vào quy mô kinh tế hàng đầu thế giới, mức chi tiêu quốc phòng lớn nhất toàn cầu với các khoản đầu tư đáng kể vào nghiên cứu và phát triển (World Bank, 2017). Quyền lực này càng được củng cố sau sự tan rã của Liên Xô - một đối trọng chính trị lớn trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc đã làm biến đổi cục diện quyền lực khu vực và tạo ra những thách thức an ninh trực tiếp cho Ấn Độ. Trong bối cảnh đó, để lý giải cách thức Ấn Độ cân nhắc và triển khai các lựa chọn chiến lược, bài viết vận dụng khung phân tích của Kenneth Waltz về hiện thực cấu trúc nhằm giải thích những ràng buộc hệ thống, kết hợp với lý thuyết “cân bằng đe dọa” của Stephen M. Walt để làm rõ nhận thức mối đe dọa từ Trung Quốc, và cuối cùng là khái niệm cân bằng mềm để lý giải phản ứng chính sách đặc thù của Ấn Độ.

Từ góc nhìn hiện thực, học giả Kenneth Waltz cho rằng hệ thống quốc tế vốn mang tính vô chính phủ, không có một quyền lực tối cao điều tiết các quốc gia, khiến cho sự cân bằng quyền lực là một hiện tượng phổ biến và lặp lại. Trong tác phẩm *Lý thuyết Chính trị Quốc tế* (1979), ông lập luận rằng các quốc gia, để đảm bảo sự sống còn của mình, buộc phải dựa vào chính năng lực nội tại và tận dụng mọi công cụ sẵn có nhằm duy trì an ninh. Theo đó, sự cân bằng quyền lực sơ bộ sẽ hình thành khi các quốc gia cạnh tranh quyền lực để đạt được một mức độ sức mạnh tương đối đủ đảm bảo cho sự an toàn quốc gia (K. Waltz, 1979).

Trong khi sức mạnh là một yếu tố quan trọng trong quan hệ quốc tế, Stephen M. Walt lập luận rằng đó không phải là thành tố duy nhất quyết định hành vi của các quốc gia (S.M. Walt, 1987, p.21). Thay vào đó, các quốc gia có xu hướng liên minh với hoặc chống lại một cường quốc nước ngoài dựa trên mức độ đe dọa mà họ cảm nhận được từ quốc gia đó. Việc xác định mỗi đe dọa không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh tuyệt đối, mà còn liên quan đến các yếu tố khác như: sức mạnh tổng hợp, vị trí địa lý, khả năng tấn công và ý định gây hấn (Walt, 1987, pp.20-21). Walt đưa ra trường hợp rằng một quốc gia có thể lựa chọn liên minh với một cường quốc mạnh hơn để đối phó với một mối đe dọa tiềm tàng đến từ một quốc gia yếu hơn nhưng nguy hiểm hơn về mặt chiến lược. Trong bối cảnh này, “cân bằng” được định nghĩa là việc một quốc gia thiết lập liên minh với các nước khác nhằm chống lại một mối đe dọa chung (Walt, 1987, p.17), hoặc nhằm bảo vệ chính mình trước một quốc gia hay liên minh có tiềm lực vượt trội và thể hiện các dấu hiệu gây hấn rõ ràng (Walt, 1987, p.18). Đáng chú ý, Walt nhấn mạnh rằng mặc dù các cường quốc có xu hướng cân bằng để duy trì vị thế chiến lược, thì các quốc gia yếu hơn lại càng buộc phải hành động như vậy do thiếu các lựa chọn thay thế (Walt, 1987, pp.25-29). Theo ông, bốn tiêu chí chính để xác định mức độ đe dọa bao gồm: (1) sức mạnh tổng hợp - bao gồm dân số, năng lực công nghiệp, sức mạnh quân sự và trình độ công nghệ; (2) khoảng cách địa lý - càng gần càng tiềm ẩn nhiều rủi ro; (3) khả năng tấn công - năng lực tiến hành chiến tranh tấn công; và (4) ý định gây hấn - thể hiện qua hành vi và chính sách đối ngoại (Walt, 1987).

Trong khi Kenneth Waltz tập trung vào yếu tố quyền lực trong việc kiến tạo cân bằng, một số học giả khác lại tiếp cận khái niệm này theo hướng linh hoạt hơn. Chẳng hạn, Martin (2003) cho rằng “cân bằng” nên được hiểu là các hành động mà một quốc gia thực hiện nhằm chống lại mối đe dọa từ bên ngoài. Theo cách hiểu này, mối đe dọa có thể được xác định theo nhiều tiêu chí khác nhau và quốc gia cũng có thể lựa chọn nhiều chiến lược ứng phó. Paul, Wirtz và Fortmann (2004) phát triển cách tiếp cận đa chiều đối với lý thuyết cân bằng bằng cách phân loại thành ba hình thức: cân bằng cứng, cân bằng mềm và cân bằng bất đối xứng.

Cân bằng cứng đề cập đến việc gia tăng sức mạnh quân sự hoặc thiết lập các liên minh chính thức nhằm đối phó với các mối đe dọa hiện hữu. Hình thức này bao gồm cả cân bằng bên trong (tăng cường năng lực quân sự quốc gia) và cân bằng bên ngoài

(liên kết với các quốc gia khác). Mục tiêu của cân bằng cứng là đạt được thế đối trọng quyền lực rõ ràng với các đối thủ chiến lược.

Trong khi đó, cân bằng mềm thể hiện thông qua việc xây dựng năng lực quân sự ở mức độ hạn chế, kết hợp với các biện pháp phòng ngừa rủi ro và phát triển ảnh hưởng không chính thức trong lĩnh vực an ninh. Đây là hình thức phản ứng linh hoạt, thường gắn với hợp tác đa phương, ngoại giao kín và các cơ chế điều phối chiến lược không ràng buộc. Cân bằng mềm giúp làm suy yếu vị thế tương đối của quốc gia đe dọa, đồng thời vẫn duy trì được không gian chiến lược linh hoạt cho các quốc gia bị đe dọa (He & Feng, 2008, pp.363-395).

Dạng thứ ba là cân bằng bất đối xứng, trong đó các chủ thể phi nhà nước, hoặc các tác nhân yếu hơn về quân sự, sử dụng các chiến lược phi truyền thống nhằm đối phó với các cường quốc vượt trội. Đây thường là các chiến lược gián tiếp, như chiến tranh du kích, khủng bố, hay sử dụng đòn bẩy chính trị, truyền thông và không gian mạng để gây bất ổn đối thủ.

Theo Paul (2004), các chiến lược cân bằng mềm có thể dần chuyển hóa thành cân bằng cứng nếu môi trường chiến lược trở nên căng thẳng và mối đe dọa ngày càng rõ rệt. Tuy nhiên, đối với các quốc gia có vị thế trung bình, đặc biệt là những quốc gia có sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau với đối thủ, cân bằng mềm có thể là lựa chọn ưu tiên.

Trường hợp Ấn Độ là ví dụ điển hình. Khi khoảng cách quyền lực giữa Ấn Độ và Trung Quốc vẫn còn đáng kể, cân bằng cứng trở thành lựa chọn tốn kém và rủi ro. Những nỗ lực theo hướng này có thể kích thích phản ứng mạnh từ Trung Quốc, bao gồm cả các biện pháp trừng phạt kinh tế và chính trị (Paul et al., 2004, p.15). Đồng thời, sự phụ thuộc lẫn nhau trong lĩnh vực kinh tế khiến chi phí cho một chiến lược đối đầu trực diện trở nên rất cao. Do vậy, trong bối cảnh hiện tại, Ấn Độ có xu hướng theo đuổi chiến lược cân bằng mềm, bao gồm việc xây dựng các đối tác mật thiết ngầm, thúc đẩy hợp tác đa phương và vận dụng ngoại giao thương lượng trong các thể chế quốc tế. Chiến lược này cho phép Ấn Độ duy trì quyền tự chủ chiến lược, không rơi vào sự phụ thuộc liên minh, đồng thời vẫn linh hoạt lựa chọn đối tác trên cơ sở từng vấn đề cụ thể.

2. Thách thức từ “mối đe dọa” Trung Quốc

Vào tháng 8 năm 2024, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ S. Jaishankar nhận định rằng nhiều quốc gia trên thế giới có quan hệ khó khăn với Trung Quốc, nhưng Ấn Độ phải đối mặt với một “*vấn đề Trung Quốc đặc biệt, vượt lên trên vấn đề Trung Quốc mà phần còn lại của thế giới đang gặp phải*” (PTI, 2024). Phát biểu này ám chỉ đến tính chất phức tạp trong quan hệ Trung - Ấn, vốn được định hình bởi lịch sử tương tác lâu dài, đan xen giữa hợp tác và đối đầu một cách không liên tục. Việc hai nước công bố một thỏa thuận biên giới vào tháng 10 năm 2024 đã góp phần làm giảm căng thẳng sau các vụ đụng độ tại khu vực biên giới vào năm 2020. Tuy nhiên, tranh chấp biên

giới chỉ là biểu hiện bề ngoài của một cuộc cạnh tranh địa chính trị sâu sắc hơn giữa hai quốc gia. Khi Trung Quốc và Ấn Độ ngày càng nổi lên như các chủ thể địa chính trị lớn, với nhiều công cụ và nền tảng hơn để mở rộng ảnh hưởng và tương tác với nhau, sự trỗi dậy của họ đã mở ra những lĩnh vực cạnh tranh mới - từ cạnh tranh kinh tế - địa chiến lược cho đến sự khác biệt trong cách tiếp cận các vấn đề toàn cầu. Nếu phân tích mối đe dọa Trung Quốc theo 4 tiêu chí về mối đe dọa của Walt, cho thấy Trung Quốc hội tụ đầy đủ các tiêu chí để trở thành mối đe dọa số một của Ấn Độ.

2.1. Về sức mạnh tổng hợp

Khả năng quân sự của Trung Quốc vượt xa Ấn Độ ít nhất 4 lần và GDP lớn hơn Ấn Độ hơn 5 lần. Trung Quốc giàu có hơn và mạnh hơn về mặt quân sự so với Ấn Độ và thực tế này khó có thể thay đổi nhiều trong hai thập kỷ tới vì khoảng cách giữa hai bên đã rất lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục của Trung Quốc khiến Ấn Độ khó giảm đáng kể khoảng cách này, đặc biệt là khi tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ không lớn hơn nhiều so với Trung Quốc. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc đã cho phép nước này mở rộng ảnh hưởng của mình trên khắp thế giới, điều này có thể gây bất lợi cho Ấn Độ. Đến năm 2030, Trung Quốc dự kiến sẽ có GDP là 26 nghìn tỷ USD, trong khi tổng GDP của các nước: Ấn Độ, Indonesia, Brazil, Đức, Nga có thể chỉ là 25 nghìn tỷ USD (Intimedia, 2024).

Về dân số, mặc dù dân số Ấn Độ đã vượt qua Trung Quốc, đạt đến 1,4 tỷ người nhưng nghèo đói vẫn còn phổ biến ở Ấn Độ. Trong số 900 triệu người ở độ tuổi lao động của Ấn Độ, chỉ có khoảng một nửa tham gia lực lượng lao động và hơn 1/3 phụ nữ và trẻ em gái mù chữ. Đề dân số ngày càng tăng của Ấn Độ trở thành một tài sản kinh tế, chứ không phải là một khoản nợ tiềm năng, dân số Ấn Độ cần phải được đào tạo. Trong khi đó, mặc dù lực lượng lao động của Trung Quốc đã đạt đến đỉnh điểm, nhưng có trình độ học vấn trung bình cao hơn (Joseph S. Nye, 2023).

2.2. Về khoảng cách địa lý

Sự gần gũi về địa lý và tranh chấp lãnh thổ kéo dài khiến Trung Quốc trở thành mối đe dọa trực tiếp đối với Ấn Độ. Dù chiến tranh toàn diện khó xảy ra, sức mạnh quân sự ngày càng gia tăng cùng xu hướng dùng vũ lực của Trung Quốc vẫn là nguy cơ nghiêm trọng. Ngoài ra, hoạt động gia tăng của hải quân Trung Quốc ở Ấn Độ Dương tiếp tục làm gia tăng lo ngại chiến lược cho New Delhi.

2.3. Về khả năng tấn công

Trung Quốc là mối đe dọa quân sự trực tiếp đối với Ấn Độ. Dù quân số bộ binh của Trung Quốc (2,2 triệu) (Globalpowerfire, 2025) cao hơn một chút so với Ấn Độ (1,4 triệu) (Reuters, 2025), Trung Quốc lại sở hữu lợi thế đáng kể về địa hình và cơ sở hạ tầng dọc biên giới Tây Tạng - khu vực trọng yếu trong các tranh chấp giữa hai nước. Về năng lực tác chiến, Trung Quốc sở hữu gần gấp đôi số máy bay chiến đấu hiện đại so

với Ấn Độ (653 so với 349), gần gấp ba số tàu chiến mặt nước chủ lực (79 so với 28) và tàu ngầm (53 so với 14) (IISS, 2017). Trung Quốc còn đang phát triển máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm và đóng tàu sân bay mới có quy mô vượt trội so với Ấn Độ. Mặc dù quy mô quân đội Ấn Độ lớn hơn, phần lớn lực lượng lại được bố trí ở mặt trận phía Tây và tham gia nhiệm vụ chống nổi dậy tại Jammu & Kashmir và khu vực Đông Bắc. Trong khi đó, Trung Quốc đã thành lập một quân đoàn tấn công miền núi chuyên trách tại biên giới với Ấn Độ, cho thấy sự chuẩn bị chiến lược rõ rệt. Ấn Độ hiện đối mặt với nhiều hạn chế về trang bị, đặc biệt là trong lực lượng pháo binh (Hindustan Times, 2017). Ngoài ra, còn tồn tại những lo ngại về quy mô lực lượng dự bị, tình trạng thiếu sĩ quan và vấn đề huấn luyện (Hindustan Times, 2017). Những yếu tố này ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sẵn sàng và hiệu quả chiến đấu của quân đội Ấn Độ trong trường hợp xảy ra xung đột cường độ cao với Trung Quốc (R. Rajagopalan, 2015).

2.4. Về hành vi và các tính toán chiến lược của Trung Quốc

Ảnh hưởng của Bắc Kinh trong cả các tổ chức quốc tế lâu đời như Liên Hợp Quốc và trong các tổ chức mới mà Trung Quốc đang thiết lập, chẳng hạn như Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á, tạo cơ hội cho Trung Quốc cản trở các lợi ích và mục tiêu của Ấn Độ trong các diễn đàn đa phương, đặc biệt là khi Ấn Độ mong muốn cải cách các tổ chức này và giúp nước này có tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề toàn cầu. Trung Quốc cũng đặt ra một mối đe dọa phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ ở Nam Á và các tổ chức quốc tế (bằng cách phản đối việc Ấn Độ gia nhập NSG và UNSC).

Trung Quốc đang mở rộng ảnh hưởng trong khu vực Nam Á, nơi vốn được xem là không gian ưu tiên chiến lược của Ấn Độ, thông qua các mối quan hệ ngày càng sâu sắc với các quốc gia láng giềng như Nepal, Bhutan, Sri Lanka, Bangladesh và đặc biệt là Pakistan (Xavier, C., 2018). Mối quan hệ gần gũi giữa Trung Quốc và Pakistan, cùng với sự gia tăng hiện diện kinh tế và chiến lược tại các nước Nam Á khác, đặt ra những thách thức đáng kể đối với vai trò truyền thống của Ấn Độ trong khu vực. Khả năng cung cấp hỗ trợ tài chính quy mô lớn và các gói đầu tư hạ tầng hấp dẫn giúp Trung Quốc trở thành một đối tác thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trong khu vực. Ngoài ra, thông qua Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Pakistan (CPEC) và Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), Trung Quốc đã triển khai các dự án đi qua các khu vực mà Ấn Độ coi là tranh chấp, làm phát sinh những bất đồng về vấn đề chủ quyền (Ayres, 2017). Việc Trung Quốc phát triển các cơ sở hạ tầng cảng biển tại Pakistan và Sri Lanka, cùng với các tuyên bố ở Biển Đông, được một số nhà phân tích xem là tạo ra áp lực chiến lược đối với Ấn Độ trong môi trường khu vực rộng lớn hơn. Bắc Kinh sử dụng công cụ viện trợ và thương mại để thúc đẩy các mục tiêu đối ngoại, đặc biệt tại các nước đang phát triển - vốn có thể ủng hộ Trung Quốc trong trường hợp xảy ra bất đồng với Ấn Độ. Những hành động như vậy không phải là hiện tượng mới, mà phản ánh chiến lược lâu dài của Trung Quốc trong việc cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực và trên thế giới (Malik, 2006).

Như vậy, xét theo bốn tiêu chí mà Walt đưa ra, Trung Quốc hội tụ đủ để trở thành mối đe dọa toàn diện đối với Ấn Độ, từ sức mạnh quân sự, vị trí địa lý, và khả năng tấn công cho đến các toan tính chiến lược. Chính những yếu tố này buộc New Delhi phải tìm đến chiến lược cân bằng mềm thay vì mạo hiểm theo đuổi cân bằng cứng.

3. Ấn Độ cân bằng với Trung Quốc

Trong những hoàn cảnh thông thường, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của đất nước có thể giúp Ấn Độ kiểm soát tốt hơn môi trường bên ngoài, nhưng sự trỗi dậy của Ấn Độ đang diễn ra dưới “cái bóng” của sự tăng trưởng ấn tượng hơn của Trung Quốc. Sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ là một thách thức đối với Ấn Độ vì nó mở ra khả năng Trung Quốc thống trị các nước láng giềng, bao gồm cả Ấn Độ. Sự giàu có của Trung Quốc và ảnh hưởng mà Bắc Kinh mang lại đối với chính trị quốc tế cũng là một thách thức lớn, đặc biệt là khi lợi ích của Ấn Độ xung đột với lợi ích của Trung Quốc. Sự quyết đoán ngày càng tăng của Bắc Kinh cho thấy rõ ràng những hệ quả của một châu Á mất cân bằng. Đây là vấn đề chiến lược trung tâm mà Ấn Độ phải đối mặt: Làm thế nào để tự đảm bảo an toàn và thúc đẩy lợi ích quốc gia của mình trong một môi trường chiến lược đang mất cân bằng?

Những bài học xương máu từ cuộc chiến tranh biên giới với Trung Quốc đã giúp Ấn Độ nhận ra tầm quan trọng sống còn của việc đảm bảo an ninh quốc gia. Việc đặt ưu tiên phát triển kinh tế dài hạn lên trên các chuẩn bị an ninh trong thập niên 1950 đã khiến Ấn Độ thất bại trong cả hai mục tiêu. Đối với bất kỳ quốc gia nào, an ninh phải luôn được đặt lên hàng đầu, bởi lẽ nếu thiếu vắng an ninh, không thể tiến hành các chương trình phát triển quốc gia khác, kể cả kinh tế.

Thách thức trước mắt hơn đối với Ấn Độ là ảnh hưởng chính trị ngày càng gia tăng của Bắc Kinh tại các quốc gia ven biển láng giềng, nơi mà New Delhi từ lâu vốn có ảnh hưởng sâu rộng, như Sri Lanka, Bangladesh, Maldives, Mauritius và Seychelles. Một mối quan ngại song song là các quốc gia này có thể lợi dụng cạnh tranh Trung - Ấn để mặc cả, đòi hỏi thêm lợi ích từ cả hai phía.

Khi ứng phó với thách thức từ Trung Quốc, New Delhi cũng mong muốn tránh để căng thẳng hàng hải leo thang nghiêm trọng. Trọng tâm địa - chiến lược của nước này vẫn tiếp tục đặt vào khu vực biên giới phía Bắc. Các cuộc đụng độ ở Thung lũng Galwan năm 2020 và xung đột Ấn - Pakistan năm 2025 đã khiến cho định hướng này sẽ tiếp tục trong tương lai gần. New Delhi không mong muốn bị cuốn vào một cuộc chạy đua vũ trang tốn kém tại Ấn Độ Dương, thực tế Hải quân Ấn Độ vẫn là lực lượng được cấp ngân sách ít nhất trong ba quân chủng.

Do đó, Ấn Độ đã tránh xa hai chiến lược đối phó có thể có: trung lập hóa hoặc liên minh với Mỹ. Dù các biện pháp xây dựng lòng tin, hiệp ước hạn chế vũ khí hay một trạng thái hòa hoãn trên biển với Trung Quốc có thể giúp giảm bớt áp lực cạnh tranh, song trung lập hóa sẽ trao cho Trung Quốc nhiều không gian hơn để củng cố ảnh hưởng

tại các quốc gia ven biển thông qua thâm nhập kinh tế. Mặt khác, nếu Ấn Độ thiết lập quan hệ đối tác hàng hải chặt chẽ hơn với Mỹ, điều đó sẽ giúp tăng cường vị thế của New Delhi trong khu vực, nhưng đồng thời cũng làm leo thang cạnh tranh hàng hải với Trung Quốc. Dù sao, New Delhi vẫn mang trong mình nhiều dè dặt về chiến lược của Mỹ tại Ấn Độ Dương. Do đó, Ấn Độ duy trì sự thận trọng và không nghiêng hẳn về Mỹ.

Ấn Độ đứng trước những lựa chọn chiến lược nhằm thiết lập thế cân bằng quyền lực trong khu vực. Một trong những hướng đi quan trọng là thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương rộng mở, bao trùm và gắn kết với các sáng kiến khu vực quan trọng như SAGAR (An ninh và Tăng trưởng cho Tất cả trong khu vực) năm 2015, Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPOI) năm 2018, và gần đây nhất là MAHASAGAR (Tiến bộ Toàn diện và Tương hỗ vì An ninh và Tăng trưởng trên toàn Khu vực) vào tháng 3 năm 2025. Đồng thời, Ấn Độ cũng tích cực tham gia vào các cơ chế đa phương như QUAD (Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, Australia), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), BRICS và đẩy mạnh hợp tác trong những khuôn khổ, sáng kiến mới về hợp tác biển với các nước láng giềng. Những nỗ lực này phản ánh chiến lược “cân bằng mềm” của Ấn Độ, thông qua tăng cường can dự, thúc đẩy kết nối và định hình cấu trúc khu vực.

Trong bối cảnh như vậy, Ấn Độ đã, đang và sẽ tiếp tục lựa chọn một hướng tiếp cận chiến lược mềm dẻo nhằm đối phó với thách thức từ Trung Quốc. Thay vì lao vào cuộc cạnh tranh quyền lực trực diện, Ấn Độ ưu tiên một chiến lược cân bằng mềm, một hình thức điều chỉnh hành vi của đối thủ thông qua các công cụ phi quân sự như ngoại giao đa phương, liên kết chính trị và phối hợp thể chế. Chiến lược này không chỉ giúp Ấn Độ bảo vệ lợi ích cốt lõi và duy trì quyền tự chủ chiến lược, mà còn mang lại năm lợi ích rõ rệt trong cả ngắn hạn và dài hạn.

Thứ nhất, cân bằng mềm cho phép Ấn Độ đối trọng với Trung Quốc mà không cần phụ thuộc vào liên minh quân sự chặt chẽ với Mỹ. Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng gia tăng, việc tránh đứng hẳn về một phía giúp Ấn Độ giữ vị thế tự chủ chiến lược. Thông qua các cơ chế như Bộ Tứ QUAD, Ấn Độ vẫn có thể hợp tác với các quốc gia cùng chí hướng nhằm thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhưng không cần từ bỏ độc lập chiến lược hay cam kết quân sự ràng buộc. Đồng thời, việc duy trì vai trò tích cực trong các thể chế như BRICS hay SCO, nơi Trung Quốc cũng là thành viên, cho phép Ấn Độ tiếp cận song song cả không gian đối thoại lẫn không gian cân bằng. Cách tiếp cận này giúp Ấn Độ tránh bị lôi kéo vào thế đối đầu trực tiếp giữa các cường quốc, đồng thời củng cố vai trò của mình như một “cường quốc trung gian” có năng lực tự định hình chính sách. Trong số các cơ chế đa phương, QUAD là công cụ hiệu quả nhất, giúp Ấn Độ tăng cường sức mạnh tập thể, củng cố vị thế an ninh và thúc đẩy hợp tác kinh tế - công nghệ với các đối tác chủ chốt. SCO có một số hạn chế do sự hiện diện đồng thời của Trung Quốc và Pakistan. BRICS vừa mở ra không gian kinh tế - tài chính mới cho Ấn

Độ, vừa tiềm ẩn rủi ro bị Trung Quốc lấn át. Mặc dù hiệu quả khác nhau, các cơ chế này vẫn mang lại cho Ấn Độ kênh gia tăng ảnh hưởng, bảo vệ lợi ích quốc gia và khẳng định vai trò như một trụ cột định hình trật tự khu vực.

Thứ hai, chiến lược cân bằng mềm giúp Ấn Độ điều chỉnh hành vi của Trung Quốc mà không khiêu khích, từ đó tránh leo thang căng thẳng không cần thiết. Trong thực tế, Ấn Độ và Trung Quốc đẩy mạnh thương mại song phương với kim ngạch đạt 138,48 tỷ USD vào năm 2024, giúp Trung Quốc giành lại vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ sau hai năm gián đoạn (Qian Zhou, 2025). Do đó, hai nước vẫn có những lĩnh vực lợi ích đan xen, Ấn Độ không có động cơ tiến hành kiểm chế toàn diện Trung Quốc. Bằng cách tham gia vào các thiết chế khu vực, phát tín hiệu ngoại giao rõ ràng và thực hiện ngoại giao dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và cùng phát triển, Ấn Độ nhấn mạnh rằng họ không nhằm cản trở sự trỗi dậy của Trung Quốc, nhưng sẵn sàng phối hợp với các quốc gia khác để phản ứng trước các hành vi đơn phương, gây mất ổn định. Đây là một hình thức cân bằng hành vi, trong đó Ấn Độ lựa chọn xây dựng khả năng phòng vệ bằng cách thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế và không gian chính sách chung, thay vì đối đầu bằng sức mạnh cứng.

Thứ ba, Ấn Độ cùng các quốc gia trong khu vực chia sẻ nhiều lợi ích đa phương, từ kinh tế, thương mại đến giáo dục, khoa học và văn hóa, tạo nền tảng cho một mặt trận hợp tác sâu rộng. Chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ nhấn mạnh mối quan hệ chiến lược với ASEAN và Đông Á, thông qua các diễn đàn như ARF, EAS, hợp tác Mekong - sông Hằng. Khi Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng thông qua các công cụ như BRI và CPEC, các quốc gia trong khu vực lo ngại về vấn đề chủ quyền và phụ thuộc tài chính. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ có thể đóng vai trò là đối tác thay thế đáng tin cậy, thúc đẩy sự đồng thuận khu vực dựa trên các nguyên tắc dân chủ, minh bạch và cùng phát triển. Ngoài ra, lợi thế về văn hóa, di sản Phật giáo chung và quan hệ nhân dân cũng giúp Ấn Độ phát huy sức mạnh mềm để mở rộng ảnh hưởng một cách tự nhiên và bền vững.

Thứ tư, cân bằng mềm tạo điều kiện để Ấn Độ giảm gánh nặng chi tiêu quốc phòng trong giai đoạn hiện tại, ưu tiên cho phát triển kinh tế và công nghệ. Trong bối cảnh vẫn còn nhiều thách thức về phát triển nội tại, đặc biệt là trong các lĩnh vực hạ tầng, y tế và giáo dục, việc tránh bị cuốn vào cuộc chạy đua vũ trang với Trung Quốc là một tính toán chiến lược hợp lý. Thay vì đầu tư ồ ạt vào các dự án quốc phòng tốn kém, Ấn Độ có thể tích lũy nguồn lực, hiện đại hóa kinh tế, cải thiện năng lực công nghệ quốc phòng nội địa. Một khi năng lực quốc gia đủ mạnh, Ấn Độ sẽ có điều kiện phát triển khả năng phòng vệ hiệu quả hơn mà không làm mất ổn định môi trường an ninh khu vực.

Thứ năm, vị thế khu vực ổn định, không gây đe dọa giúp Ấn Độ được nhiều nước trong khu vực tin cậy hơn so với Trung Quốc. Trong khi Trung Quốc đang đối mặt với nhiều tranh chấp lãnh thổ và lo ngại về ảnh hưởng kinh tế chính trị, Ấn Độ không

có mâu thuẫn sâu sắc với các quốc gia ASEAN và Nam Á. Điều này cho phép Ấn Độ tham gia các diễn đàn khu vực như ASEAN, EAS, ARF với hình ảnh tích cực, góp phần thúc đẩy ổn định và hợp tác. Ấn Độ có thể tận dụng điều này để mở rộng vai trò trong việc định hình các chuẩn mực khu vực và thuyết phục các nước láng giềng như Nepal, Bhutan, Sri Lanka tin tưởng vào vai trò lãnh đạo khu vực của mình. Việc không bị xem là mối đe dọa mang lại lợi thế chiến lược quan trọng trong việc xây dựng nội lực và đồng thuận quốc tế.

Điểm khác biệt của Ấn Độ trong triển khai cân bằng mềm nằm ở khả năng kết hợp hai yếu tố tương như đối lập: một mặt, New Delhi tích cực mở rộng quan hệ với nhiều đối tác trên cả bình diện song phương và đa phương; mặt khác, họ kiên quyết tránh những ràng buộc mang tính liên minh chính thức vốn có thể làm suy giảm quyền tự chủ chiến lược. So với ASEAN, nơi cân bằng mềm chủ yếu được thể hiện thông qua sức mạnh tập thể và các cơ chế đồng thuận khu vực, Ấn Độ triển khai chính sách này ở cấp độ quốc gia với sự chủ động và linh hoạt cao hơn. Trong khi Nhật Bản gắn cân bằng mềm chặt chẽ với chiếc ô an ninh của Mỹ, Ấn Độ lại theo đuổi một con đường độc lập hơn, coi đa liên kết là công cụ vừa để phân tán rủi ro, vừa để tận dụng lợi ích từ nhiều cơ chế quốc tế khác nhau. Chính cách tiếp cận này giúp Ấn Độ không chỉ duy trì thế cân bằng trước sức ép từ Trung Quốc, mà còn khẳng định vai trò như một cực quyền lực tự chủ đang nổi lên trong cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Kết luận

Sự trỗi dậy của Trung Quốc đã tạo ra những mối đe dọa trực tiếp và gián tiếp đến an ninh, kinh tế và môi trường địa chính trị của Ấn Độ. Để cân bằng với “mối đe dọa” này nhưng vẫn giữ được quyền tự chủ chiến lược và lợi ích quốc gia, Ấn Độ phải sử dụng linh hoạt các biện pháp. Nếu quy chiếu theo lý thuyết về các loại hình cân bằng đối với các mối đe dọa của Paul thì có thể thấy Ấn Độ đang sử dụng một hình thức cân bằng mềm với Trung Quốc. Xét về thực lực hiện tại, Ấn Độ không có đủ năng lực nội tại để cân bằng sức mạnh cứng với Trung Quốc. Ấn Độ đã sử dụng “cân bằng mềm” hay nói cách khác, một hình thức “đa liên kết”, trong đó Ấn Độ xây dựng quan hệ đối tác với tất cả các quốc gia, tham gia các sáng kiến khu vực như sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà Mỹ và Ấn Độ đang thúc đẩy, hay hợp tác trong QUAD, BRICS, SCO, ASEAN và ARF; đồng thời lên án hành vi đe dọa và gây hấn của Trung Quốc tại các diễn đàn đa phương.

Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy, cân bằng mềm không chỉ là lựa chọn tình thế mà đã trở thành một chiến lược lâu dài nhằm dung hòa giữa nhu cầu đối phó với mối đe dọa và yêu cầu duy trì tự chủ chiến lược. Điều này gợi mở cho Việt Nam một góc nhìn so sánh: trong khi cả hai quốc gia đều đang triển khai chiến lược cân bằng, cách thức Ấn Độ vận dụng chính sách đa phương và chủ động định hình các sáng kiến khu vực cho thấy một mức độ “chủ động kiến tạo” mà Việt Nam có thể tham khảo. Như vậy, điều Việt Nam có thể rút ra không chỉ là duy trì chiến lược cân bằng, mà còn là

nâng tầm nó thành một chiến lược chủ động kiến tạo luật chơi và mở rộng không gian chiến lược trong khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Ayres, A. (2017). India objects to China's one belt and road initiative - And it has a point. *Forbes*. <https://www.forbes.com/sites/alyssaayres/2017/05/15/india-objectsto-chinas-one-belt-and-road-initiative-and-it-has-a-point/#323db5dab262>. Ngày truy cập 5/8/2025.
2. Globalpowerfire (2025). 2025 China Military Strength. <https://www.globalfirepower.com/country-military-strength-detail.php>. Ngày truy cập 17/9/2025.
3. He, Kai, & Feng, H. (2008). If not soft balancing, then what? Reconsidering soft balancing and U.S. policy toward China. *Security Studies*. 17(2), pp.363-395.
4. Hindustan Times (2017). *Shortage of Over 9,000 Officers in Indian Army, Navy: MOS Defence*. <http://www.hindustantimes.com/india-news/shortage-of-over-9-000-officers-in-indian-army-navy-mos-defence/story-mYlcDSBbh0QUcgpHmo1p6N.html>, 11/4/2017. Ngày truy cập 15/8/2025.
5. Hindustan Times (2017). *Army to Get New Artillery Guns This Weekend, First Since Bofors Scandal in the 1980s*. <http://www.hindustantimes.com/india-news/army-to-get-new-artillery-guns-this-weekend-first-since-1980s-bofors-scandal/story-gZnWH6mwIBN30Yx1agoJjJ.html>, 18/5/2017 Ngày truy cập 5/8/2025.
6. Intimedia (2024). *10 Countries Predicted to Become Global Economic Giants by 2030: Who Will Lead? Here are the Latest Facts and Data*. <https://intimedia.id/read/10-countries-predicted-to-become-global-economic-giants-by-2030-who-will-lead-here-are-the-latest-facts-and-data>. Ngày truy cập 10/9/2025.
7. International Institute of Strategic Studies (IISS) (2017). *The Military Balance 2017*. <https://www.iiss.org/en/publications/military%20balance/issues/the-military-balance-2017-b47b>. Ngày truy cập 5/8/2025.
8. Joseph S. Nye (2023). *India, the US and the global balance of power*. <https://www.aspistrategist.org.au/india-the-us-and-the-global-balance-of-power/>. Ngày truy cập 5/8/2025.
9. Kenneth Waltz (1979). *Theory of international politics*. Addison-Wesley.
10. Malik, M. (2006). China's strategy of containing India. *Power and Interest News Report* (6 February 2006).

11. Martin, S. V. (2003). From balance of power to balancing behaviour: The long and winding road. In Andrew K. Hanami (Ed.), *Perspectives on structural realism*, Palgrave MacMillan, pp.61-82.
12. Paul, T. V., Wirtz, J. J., & Fortmann, M. (Eds.). (2004). *Balance of power: Theory and practice in the 21st century*. Stanford University Press.
13. PTI (2024). India has a special China problem: Jaishankar calls for investments from there be scrutinised. *The Hindu*. <https://www.thehindu.com/news/national/india-has-a-special-china-problem-jaishankar-calls-for-investments-from-there-be-scrutinised/article68589213.ece>. Ngày truy cập 5/8/2025.
14. Qian Zhou (2025). China-India Economic Ties: Trade, Investment, and Opportunities. *China Briefing*. <https://www.china-briefing.com/news/china-india-economic-ties-trade-investment-and-opportunities/>. Ngày truy cập 22/8/2025.
15. Rajesh Rajagopalan (2015). India's Unrealized Power. In Ashley J. Tellis, Alison Szalwinski, and Michael Wills (eds.), *Strategic Asia, 2015-16: The Foundations of National Power in the Asia-Pacific*, Washington, DC: National Bureau of Asian Research, pp.162-189.
16. Reuters (2025). How do India and Pakistan's militaries compare as tensions rise after Kashmir attack?<https://www.reuters.com/world/asia-pacific/how-do-india-pakistans-militaries-compare-tensions-rise-after-kashmir-attack-2025-04-30/>. Ngày truy cập 17/9/2025.
17. Stephen M. Walt (1987). *The Origins of Alliances*. Cornell University Press.
18. Tellis, A. (2016). India as a leading power. *Carnegie Endowment*. <https://carnegieendowment.org/2016/04/04/india-as-leading-power-pub-63185>. Ngày truy cập 5/3/2023.
19. Xavier, C. (2018). The new Indian realpolitik: China is pushing India's foreign policy into uncharted waters. *Foreign Affairs*. <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2018-12-20/new-indian-realpolitik>. Ngày truy cập 5/3/2025.
20. World Bank (2017). *Military expenditure*. <https://data.worldbank.org/indicator/MS.MIL.XPND.CD>. Ngày truy cập 5/3/2025.